

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

I./ THÔNG TIN CHUNG:

1./ Thông tin khái quát:

- Tên công ty đầy đủ: **Công ty Cổ phần Du Lịch và Thương mại DIC.**
- Tên giao dịch: Tourist and Trade DIC Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: DIC T & T.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500592920 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu cấp lần đầu ngày 27/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/08/2019.
- Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần: 112.943.230.000 đồng Việt Nam (VND)
- Trụ sở chính: 169 đường Thùy Vân, TP Vũng tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu.
- Điện thoại: 0254 3525275 Fax: 0254. 3525274
- Website: www.dictt.com.vn
- Mã cổ phiếu: DCD

2./ Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh khách sạn, du lịch; Vận chuyển hành khách đường thủy, đường bộ; Vận chuyển hành khách du lịch đường bộ; Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành trong nước và nước ngoài;
- Kinh doanh thương mại, hàng hóa dùng cho sản xuất và tiêu dùng;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu cánh ngầm.

- Địa bàn kinh doanh của Công ty: Tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu và khu vực Miền Đông, Miền Tây Nam bộ.

- Các mốc thời gian và sự kiện chính :

+ *Tiền thân của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC là Nhà nghỉ Bộ Xây dựng tại TP. Vũng tàu. Nhà nghỉ Bộ Xây dựng được thành lập ngày 26/05/1990 với nhiệm vụ ban đầu của Nhà nghỉ là kinh doanh dịch vụ du lịch và làm công tác điều dưỡng theo kế hoạch của Bộ Xây dựng giao.*

+ *Quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 1990 - 2001, Nhà nghỉ Bộ Xây dựng lần lượt được đổi tên thành Khách sạn Thùy Vân, Khách sạn Vũng tàu Cap Saint Jacques.*

+ *Ngày 08/04/2003, Công ty DIC Du lịch 100% vốn nhà nước được thành lập trên cơ sở tổ chức lại 03 đơn vị trực thuộc của Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng là: Khách sạn Vũng tàu, Xi nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Du lịch và Khách sạn Thủy Tiên.*

+ Năm 2005- 2006, Công ty DIC Du lịch tiến hành đầu tư mới và đưa vào hoạt động Khách sạn DIC Star với 88 phòng ngủ tiêu chuẩn 04 sao nằm trong khuôn viên đất của Khách sạn Vũng tàu Cap Saint Jacques.

+ Ngày 27/07/2007, Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (DIC T&T) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty DIC Du lịch thuộc Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng.

+ Ngày 20/11/2009: Chốt danh sách cổ đông để đăng ký lưu ký tập trung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

+ Ngày 28/09/2011, hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty từ 75.000.000.000 đồng lên 112.943.230.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2011.

- Tình hình hoạt động SXKD 2007-2019:

+ Ổn định tổ chức, xác định chiến lược kinh doanh.

+ Tập trung hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, củng cố và hoàn thiện chất lượng các sản phẩm, dịch vụ đã có.

+ Từng bước nghiên cứu và triển khai thêm các sản phẩm dịch vụ mới.

+ Đầu tư nâng cấp Đợt 1 Khách sạn Vũng tàu, Khách sạn DIC Star để đề nghị Tổng Cục Du lịch xem xét nâng hạng và cấp sao cho cụm khách sạn.

+ Ngày 23/07/2008 Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch ban hành Quyết định số 150/QĐ-TCDL công nhận Cụm Khách sạn DIC Star – Vũng tàu đạt tiêu chuẩn 04 sao cấp quốc gia.

+ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật Cụm Khách sạn DIC Star – Vũng tàu và Xi nghiệp DIC Du lịch Biển để tương xứng với tiêu chuẩn cụm khách sạn 04 sao.

+ Trong năm 2017: Sáp nhập các bộ phận chuyên môn cùng chức năng của khách sạn DIC Star và khách sạn Cap saint Jacques nhằm giảm chi phí quản lý, điều hành; Xóa bỏ các bộ phận chức năng tại các đơn vị (kế toán, tổ chức, kinh doanh) xây dựng mô hình tập trung do Công ty quản lý, tránh phân tán, qua nhiều tầng nấc trong công tác chuyên môn; Thành lập phòng Cung ứng – Vật tư – Xây dựng cơ bản; Giải thể Bộ phận kinh doanh thương mại Pepsi kể từ tháng 07/2017.

+ Trong năm 2018: Ổn định và hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động của năm 2017; Giải thể Bộ phận kinh doanh thương mại Bia Sài Gòn vào tháng 12/2018.

+ Trong năm 2019: Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, ngày 10/12/2019, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần II, Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC đã thông qua Nghị quyết số 03/NQ/2019/ĐHCD Thông qua việc sáp nhập Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (mã chứng khoán DCD) vào Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (mã chứng khoán DIG).

3./ Mô hình quản trị, tổ chức sản xuất kinh doanh và bộ máy quản lý:

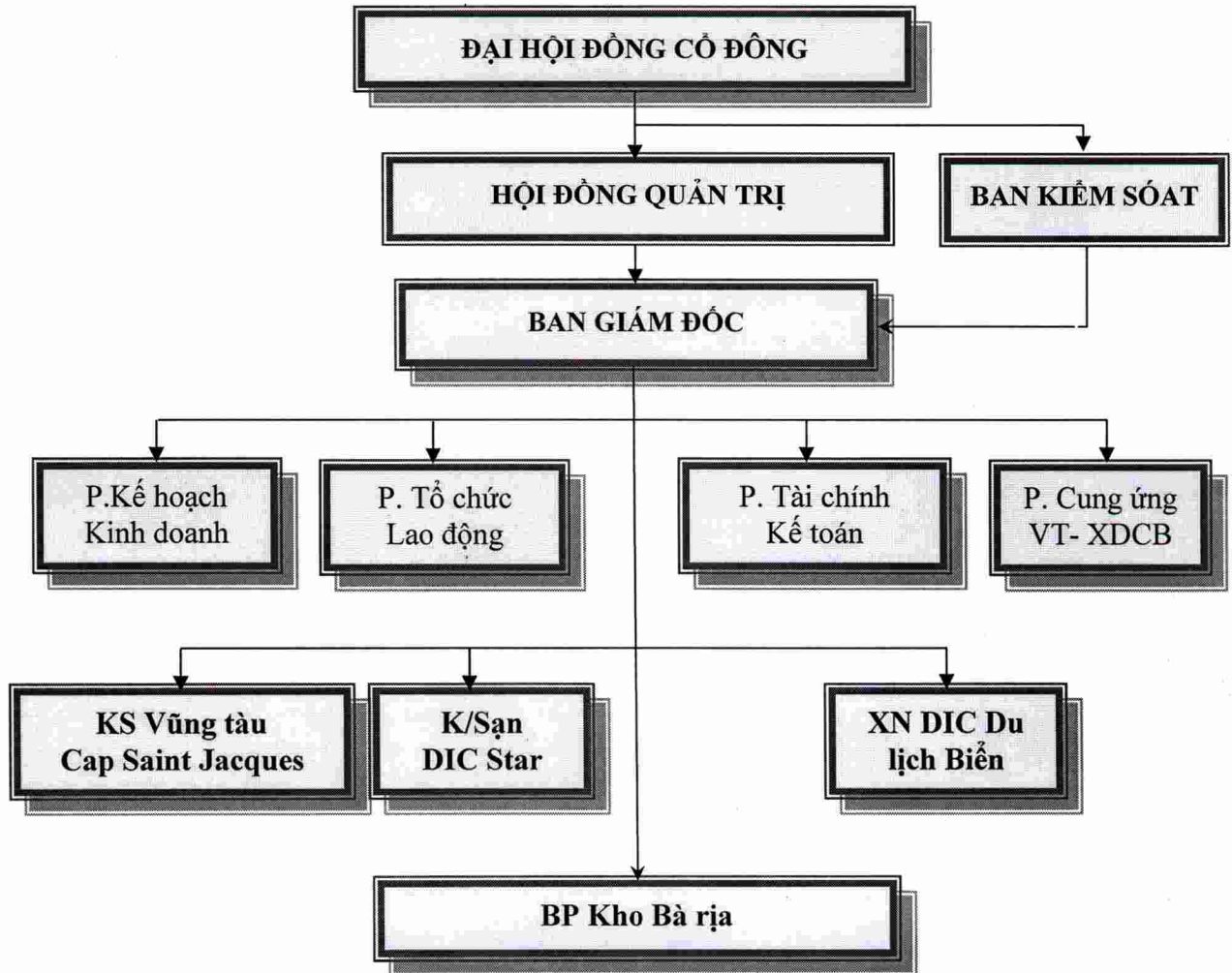
a./ Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn;

- Luật và các quy định khác có liên quan;
- Điều lệ của Công ty Cổ Phần Du lịch và Thương mại DIC do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



b./ Đại hội đồng cổ đông:

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua:

- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của HĐQT;
- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán;
- Quyết định bầu và bãi miễn nhiệm hoặc thay thế thành viên HĐQT, BKS;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua bán có giá trị từ 50% trở lên so với tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Quyết định việc Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

c./ Hội đồng quản trị:

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

d./ Ban kiểm soát:

BKS của Công ty gồm 03 thành viên, là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm kỳ của BKS là 5 năm. Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của HĐQT;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

e./ Giám đốc Công ty:

- Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Giám đốc có nhiệm vụ:

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

f./ Các phòng ban trong Công ty:

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC bao gồm 04 Phòng chức năng và các đơn vị chuyên môn. Các phòng ban thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cụ thể:

• Phòng Tổ chức hành chính:

Phòng Tổ chức hành chính là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực tổ chức, cán bộ, quản lý lao động, tiền lương và các chế độ chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của pháp luật và các công việc liên quan đến lĩnh vực hành chính quản trị cơ quan trong phạm vi Công ty. Phòng Tổ chức hành chính có nhiệm vụ:

- Xây dựng trình Giám đốc phương án, đề án tổng thể về bộ máy tổ chức, nhân sự của các phòng, ban Công ty, các đơn vị chuyên môn;
- Xây dựng, trình Giám đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy tổ chức, biên chế, quy chế làm việc của các phòng ban Công ty, các đơn vị chuyên môn;
- Xây dựng kế hoạch, phương án tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng lao động để đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị;
- Xây dựng đơn giá tiền lương chung và đơn giá tiền lương cho từng đơn vị trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Xây dựng các quy chế, quy định, trong lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động, nội quy cơ quan;
- Thực hiện việc quản lý hồ sơ của người lao động, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu, công văn đến, đi của Công ty theo đúng quy trình, thủ tục và quy định của Nhà nước;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

• Phòng Kế toán tài chính:

Phòng Kế toán tài chính là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của đơn vị đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty. Phòng Kế toán tài chính có nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Tổ chức xây dựng bộ máy kế toán, thống kê phù hợp với mô hình, cơ cấu tổ chức sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức kiểm tra, xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê, các báo cáo quyết toán của các đơn vị cấp dưới gửi lên; lập và gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo thống kê, báo cáo quyết toán cho cấp trên và các cơ quan của Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Kiểm kê tài sản, đánh giá lại tài sản, giải quyết và xử lý các khoản thiếu hụt, mất mát, hư hỏng, các khoản nợ khó đòi và các khoản thiếu hụt khác theo quy định của Nhà nước.
- Tổ chức thu thập thông tin kinh tế, thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty thường xuyên, nhằm đánh giá đúng tình hình kết quả và hiệu quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

- **Phòng Kế hoạch kinh doanh:**

Phòng Kế hoạch kinh doanh là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực xây dựng chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề ra các phương án tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch đã được phê duyệt. Lập các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế trong phạm vi Công ty. Phòng Kế hoạch kinh doanh tổng hợp có nhiệm vụ:

- Lập các phương án đổi mới phương thức kinh doanh, mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, tham mưu giúp Giám đốc đề ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm tăng nhanh số lượng và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đánh giá chính xác công tác quản lý, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng phục vụ tại các đơn vị;
- Tổ chức điều tra, nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình thị trường; xây dựng các chiến lược quảng cáo, tiếp thị nhằm mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ;
- Đàm phán, thiết lập các hợp đồng kinh doanh, dịch vụ;
- Xây dựng chiến lược phát triển theo từng thời kỳ, cho từng lĩnh vực kinh doanh của toàn Công ty. Xây dựng các kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, dài hạn cho từng đơn vị, cho từng sản phẩm;
- Xây dựng và lập các phương án, đề án liên doanh, liên kết phát triển kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ của Công ty;
- Nghiên cứu lập các dự án và thẩm định các dự án đầu tư trình Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định;
- Tổ chức quản lý dự án trước, trong và sau khi đầu tư;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

- **Phòng Cung ứng – Vật tư – Xây dựng cơ bản:**

- Quản lý công tác cung ứng vật tư, hàng hóa, nguyên vật liệu;
- Quản lý công tác đầu tư, sửa chữa nâng cấp tài sản theo đúng quy định;
- Tìm kiếm nguồn hàng, lựa chọn các nhà cung cấp phù hợp với doanh nghiệp trình lãnh đạo Công ty xem xét, ký kết hợp đồng.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

- **Trách nhiệm và quyền hạn của các Trưởng đơn vị:**

Mỗi một đơn vị chuyên môn có một Trưởng đơn vị. Trưởng đơn vị có chức năng nhiệm vụ:

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả các mặt công tác tại đơn vị mình quản lý. Quyết định, hoặc đề nghị Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, phân phối tiền lương, đối với CBCNV tại đơn vị trong phạm vi thẩm quyền theo Quy chế tuyển dụng và quản lý lao động của Công ty;
- Đề nghị Công ty thành lập mới, chia tách, giải thể, sát nhập các bộ phận trực thuộc, nhằm đảm bảo ổn định sản xuất, nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Chủ động phân công công việc cho nhân viên thuộc quyền quản lý; xem xét, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các công việc đã giao; Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực được giao; Trực tiếp báo cáo với Giám đốc về các công việc được giao và chủ động phối hợp với các đơn vị khác để thực hiện nhiệm vụ;

- Đình chỉ công tác của nhân viên đơn vị mình trong trường hợp cần thiết, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, nhưng phải báo cáo cho Giám đốc không quá 24 giờ sau đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty.

g./ Các đơn vị trực thuộc và địa bàn kinh doanh:

- Văn phòng Công ty trực tiếp kinh doanh thương mại;
- Khách sạn Vũng Tàu;
- Khách sạn Ngôi sao DIC;
- Xí nghiệp DIC Du lịch biển;

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4./ Định hướng phát triển:

a./ Mục tiêu:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và thương mại.

- Xây dựng thương hiệu **DIC T&T, DIC STAR, CAP SAINT JACQUES, DIC TRAVEL** trở thành những thương hiệu nổi tiếng về du lịch và dịch vụ du lịch.

b./ Định hướng phát triển:

- Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ du lịch là ngành nghề kinh doanh chính và nền tảng cơ bản cho mọi hoạt động kinh doanh khác.

- Đẩy mạnh doanh thu của đơn vị thông qua việc khai thác kinh doanh sang lĩnh vực cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong ngành du lịch.

- Đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác khai thác kinh doanh các dự án khách sạn, khu du lịch cao cấp với thế mạnh là đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn nghiệp vụ và am hiểu quy trình quản lý điều hành công việc.

- Xây dựng khu phức hợp căn hộ du lịch, cụm Khách sạn Cap Saint Jacques – khách sạn DIC Star, khu du lịch biển DIC trở thành Trung tâm du lịch – khách sạn – nghỉ dưỡng cao cấp, hiện đại và đang dạng hóa các loại hình dịch vụ.

5./ Các rủi ro:

Du lịch được xem là ngành công nghiệp không khói và là ngành kinh tế chiến lược của các quốc gia có tiềm năng về du lịch. Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nền kinh tế Việt Nam đã dần hội nhập sâu hơn với nền kinh tế thế giới và ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của nền kinh tế quốc tế. Dưới tác động của kinh tế thế giới và nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi.

Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc quảng bá hình ảnh đất nước du lịch của Việt Nam vẫn còn hạn chế so với các nước. Sản phẩm du lịch còn nghèo nàn. Lượng khách quốc tế vào Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực. Nếu không có chiến lược phát triển ngành du lịch một cách đồng bộ, Việt Nam sẽ khó cạnh tranh để gia tăng thị phần khách quốc tế với các quốc gia khác trong khu vực. Quá trình Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, AFTA... đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khách sạn, du lịch. Cơ hội đang mở ra trước mắt nhưng khó khăn gặp phải cũng sẽ không ít. Các công ty kinh doanh khách sạn, lữ hành trong nước sẽ phải cạnh tranh quyết liệt với các tập đoàn, công ty nước ngoài có thế mạnh về kinh nghiệm, vốn, marketing và mạng lưới đại lý rộng khắp... Bên cạnh đó, DIC T&T còn phải cạnh tranh với các đơn vị trong ngành trên cùng địa điểm hoạt động. Nhiều dự án khách sạn, resort quy mô lớn của các công ty trong và ngoài nước đang được xây dựng khắp cả nước trong đó có TP.Vũng Tàu. Với mức độ cạnh tranh gay gắt như thế, các đơn vị kinh doanh khách sạn và lữ hành cần chuẩn bị rất nhiều mặt về vốn, nhân lực, marketing để giữ vững thị phần đã có.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019:

1./ Kết quả hoạt động SXKD năm 2019:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện Năm 2019	Thực hiện/ Kế hoạch
1. Doanh thu thuần (Trđ)	265.028	244.053	92,02%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế (Trđ)	7.380	-85.694	-1.161,17%
3. Thu nhập BQ người LĐ/người/tháng (Trđ)	7,7	7,7	100%

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 là: 244 tỷ 053 triệu đồng, đạt 92,02% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: Lỗ 85 tỷ 694 triệu đồng.

2./ Tổ chức và nhân sự:

a./ Danh sách Ban điều hành:

Ban giám đốc điều hành gồm có: Giám đốc, Phó Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty.

- Ban Giám đốc và kế toán trưởng Công ty:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Phạm Bá Phúc	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/04/2017
Ông Nguyễn Quỳnh Anh	Phó giám đốc	Từ 01/01/2019 đến 30/05/2019 và từ 01/08/2019 đến 31/12/2019
Ông Đào Thanh Sơn	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23/04/2017

*** GIÁM ĐỐC CÔNG TY - ÔNG PHẠM BÁ PHÚC.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/01/1976
- Nơi sinh: Bắc Sơn – An Hải - Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Sơn – An Hải - Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 705-Chung cư SEAVIEW – P.10 – TP Vũng Tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 01/2001 đến tháng 12/2001: Nhân viên phòng Kinh doanh KS Vũng Tàu
 - + Từ tháng 1/2002 đến tháng 8/2003: Trưởng phòng Kinh doanh KS Vũng Tàu.
 - + Từ tháng 9/2003 đến tháng 12/2005 : TP Kế hoạch Kinh doanh Cty DIC Du lịch.
 - + Từ tháng 1/2006 đến 23/04/2017: Phó Giám đốc Công ty DIC Du lịch
 - + Từ tháng 24/04/2017 đến T12/2018: Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC, kiêm Giám đốc Xí nghiệp DIC Du lịch Biển thuộc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.
 - + Chức vụ hiện nay : Thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC, Giám đốc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.
- Số cổ phần nắm giữ : 785.037 CP
 - Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 10.500 CP
 - Đại diện phần vốn DIC Corp: 774.537 CP
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY - ÔNG NGUYỄN QUỲNH ANH.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 99/19 Trương Công Định, P3, TP Vũng Tàu, BRVT
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 3/2000 đến tháng 9/2002 : Giám sát Nhà Hàng - Dịch vụ phòng - Phục vụ tiệc khách sạn SOFITEL Sài Gòn
 - + Từ tháng 4/2003 đến tháng 3/2005 : Giám sát cơ khí Nhà Máy Điện Phú Mỹ 2.2.
 - + Từ tháng 8/2005 đến tháng 9/2007 : Nhân viên Phòng Kế Hoạch - Kinh Doanh Công ty Cổ Phần Du Lịch và Thương Mại DIC – DIC T&T
 - + Từ tháng 9/2007 đến tháng 1/2009 : Trưởng phòng Kinh Doanh Khách Sạn DIC Star.
 - + Từ tháng 1/2009 đến tháng 10/2009 : TP Kế hoạch Kinh doanh Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ tháng 10/2018 đến 30/05/2019: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC kiêm Giám đốc XN DIC Du lịch Biển.

+ Từ tháng 06/2019 đến 08/2019: Giám đốc XN DIC Du lịch Biển.

+ Từ tháng 09/2019 – 31/12/2019: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

- Số cổ phần nắm giữ : 210 CP

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 210 CP

- Đại diện phần vốn DIC Corp: 0 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** KẾ TOÁN TRƯỞNG – ÔNG ĐÀO THANH SƠN.**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 20/07/1975

- Nơi sinh: TP. Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Bắc Ninh

- Địa chỉ thường trú: 151/4 Chu Mạnh Trinh, P.8, TP. Vũng Tàu.

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

- Quá trình công tác:

+ Từ 1996 – 1997: Kế toán sản xuất Công ty TNHH GUNZE Việt Nam.

+ Từ 1997 – 1999: Kiểm soát viên thuế Chi cục Quản lý Thị trường tỉnh BRVT.

+ Từ 1999 – 2001: Kế toán tổng hợp Cty LD Máy Xây dựng Việt Nam – Uraltrac.

+ Từ 2001 – 2003: Kế toán viên Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng (DIC Corp).

+ Từ 2003 – 07/2007: Kế toán trưởng Cty DIC Du lịch thuộc DIC Corp

+ Từ 07/2007 đến 23/04/2017: Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ tháng 24/04/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

- Số cổ phần nắm giữ : 785.061 CP

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 10.524 CP

+ Đại diện phần vốn DIC Corp: 774.537 CP

- Những người có liên quan:

+ Bà Phạm Thị Vân (vợ),

+ Số cổ phần nắm giữ: 46.650 CP.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b./ Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty: Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng số lao động của Công ty là 220 người.

c./ Chính sách đối với người lao động:

⚡ Chính sách đào tạo:

Công ty luôn đề cao và coi trọng con người, đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của đơn vị. Vì vậy chính sách đào tạo của Công ty là:

- Việc đào tạo lao động được thực hiện theo kế hoạch. Công ty coi trọng công tác đào tạo và huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ; Huy động hợp lý nguồn lực để thực hiện kế hoạch đào tạo.

- Khuyến khích và đào tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những người tài giỏi phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những chức vụ, chức danh cao hơn.

⚡ Chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc đảm nhiệm cho người lao động. Thu hút và khuyến khích người tài giỏi mang hết khả năng để phục vụ Công ty.

⚡ Chính sách thưởng:

Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh.

⚡ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết.

3./ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a./ Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư mua sắm tài sản trong năm 2019:

HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
a./ Sửa chữa nâng cấp K/S DIC Star:	Trđ	950	580
Cải tạo Nhà hàng lầu 9 K/S DIC Star	Trđ	500	480
Cải tạo, nâng cấp phòng tập Gym lầu 9 K/S DIC Star	Trđ	300	0
Cải tạo, nâng cấp hồ bơi K/S DIC Star	Trđ	150	100
b./ Đầu tư cơ sở vật chất XN DIC Du lịch Biển.	Trđ	1.000	712
Cải tạo, sửa chữa NH DIC Lotus XN DIC DLB	Trđ	700	712
Cải tạo, sửa chữa hệ thống nhà tắm nước ngọt, khu vệ sinh, thay đồ (Nhà tròn) XN DIC DLB	Trđ	200	0
Cải tạo, sửa chữa nhà tắm, kho hàng khu vực cho KS Pullman thuê thuộc XN DIC DLB	Trđ	100	0
c./ Các hạng mục đầu tư, sửa chữa và mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ khác.	Trđ	-	3.200
Tổng cộng:	Trđ	1.950	4.492

b./ Tình hình triển khai Dự án Khu phức hợp Cap Saint Jacques:

HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Tình hình thực hiện
1./ Dự án Khu phức hợp Căn hộ - Khách sạn Cap Saint Jacques	Đang trong giai đoạn thương lượng thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh để chuyển sang hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Dự án khu phức hợp Cap Saint Jacques

4./Tình hình tài chính:

a./ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018	Năm 2019	TL 2019/2018 (%)
1./ Tổng giá trị tài sản	Trđ	156.798	145.959	93,1%
2./ Doanh thu thuần	Trđ	299.060	244.053	81,6%
3./ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Trđ	5.392	-11.604	-215,2%
4./ Lợi nhuận khác	Trđ	2.960	-74.090	-250,3%
5./ Lợi nhuận trước thuế	Trđ	8.352	-85.694	-1.026,0%
6./ Lợi nhuận sau thuế	Trđ	6.636	-85.694	-1.291,4%
7./ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	529	-7.587	-1.434,2%

b./ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ 2019/2018
1./ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	5.05	1,37	27.1%
- Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1.10	0,31	28.2%
- Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0.70	0,2	28.6%
2./ Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
- Cơ cấu tài sản				
+ Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	20.46%	22,2%	108.5%
+ Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	79.54%	77,8%	97.8%
- Cơ cấu nguồn vốn				
+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	19.80%	73,01%	368.7%
+ Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	80.20%	26,99%	33.7%
3./ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	25.6	21,57	84.3%

6./ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

a./ Nguồn nguyên liệu:

- Với hoạt động đặc thù của doanh nghiệp là kinh doanh hệ thống khách sạn, nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là các loại thực phẩm sử dụng tại nhà hàng (rau quả, hải sản, thịt, cá...) và các loại vật tư trong phòng nghỉ. Nguồn cung cấp các nguyên vật liệu này chủ yếu ở trong nước và tại địa phương. Nhìn chung, nguồn cung cấp các nguyên vật liệu này rất dồi dào, phong phú. Chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng tương đối từ 30% đến 60% trong giá vốn hàng bán về dịch vụ ăn uống của Công ty.

- Đối với hoạt động thương mại thì nguồn cung cấp chủ yếu từ: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk).

b./ Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện lưới quốc gia và điện máy phát. Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng nguồn năng lượng mặt trời cho hệ thống nước nóng phục vụ khách du lịch.

c./ Tiêu thụ nước: Mức tiêu thụ nước của Công ty hàng năm dao động từ : 90.000 m³ – 120.000 m³. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của doanh nghiệp là các đơn vị cấp nước thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty đã hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm Khách sạn Cap Saint Jacques – DIC Star – DLB.

d./ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm, Công ty không bị xử phạt do vi phạm các hành vi vi phạm môi trường.

e./ Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty thực hiện chế độ làm việc cho người lao động là 8 giờ trong một ngày, mỗi tuần làm việc 6 ngày từ thứ 2 đến thứ 7. Các chế độ nghỉ lễ, Tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước. Ngoài ra, do đặc thù của từng loại công việc, các đơn vị trực thuộc Công ty có thể tự sắp xếp thời giờ làm việc theo ca, khoán doanh thu và nghỉ ngơi phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị nhưng không trái với quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Người lao động làm việc đủ 12 tháng tại Công ty được nghỉ phép năm theo quy định và được Công ty thanh toán tiền lương nghỉ phép theo chế độ. Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc đảm nhiệm cho người lao động. Thu hút và khuyến khích người tài giỏi mang hết khả năng để phục vụ Công ty. Công ty đưa ra chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh. Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; quan tâm đến CB – CNV trong các ngày lễ tết.

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ 2019/2018
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,9	1,67	87,9%
4./ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu				
+ Lợi nhuận trước thuế/DT thuần + DT tài chính	%	2,79%	-35,11%	-1258,4%
+ Lợi nhuận sau thuế/ DT thuần + DT tài chính	%	2,22%	-35,11%	-1581,5%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản				
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5,33%	-58,7%	-1101,3%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4,23%	-58,7%	-1387,7%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	5,28%	-217,6%	-4121,2%

5./ Cơ cấu cổ đông:

a./ Cổ phần:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 11.294.323 cổ phần
 - Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 11.294.323 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.294.323 cổ phần
 - Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần.
- Công ty không phát hành bất kỳ loại trái phiếu nào.

b./ Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Đầu năm 2019		Cuối năm 2019	
	SL CP	Tỷ lệ SH (%)	SL CP	Tỷ lệ SH (%)
1. Cổ đông công ty mẹ:	7.745.373	68,58	7.745.373	68,58
- Tổng Cty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	7.745.373	68,58	7.745.373	68,58
2. Đối tác chiến lược:	800.749	7,09	800.749	7,09
- Cty TNHH 1TV TMDV Bia rượu NGK Sài Gòn	800.749	7,09	800.749	7,09
3. Cổ đông khác:	2.748.201	24,33	2.748.201	24,33
Tổng cộng	11.294.323	100,00	11.294.323	100,00

c./ Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp: Không.

d./ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e./ Các loại chứng khoán khác: Không.

III./ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1./Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2019:

CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ	
					TH 2019/ KH 2019	TH 2019/ TH 2018
I./ CHỈ TIÊU DOANH THU		299,060	265,208	244,053	92.0%	81.6%
- Doanh thu thương mại	Trđ	211,193	163,071	161,514	99.0%	76.5%
- Doanh thu phòng ngủ	Trđ	38,862	42,801	34,500	80.6%	88.8%
- Doanh thu ăn, uống, giải khát	Trđ	31,500	40,330	25,589	63.4%	81.2%
- Doanh thu dù ghế, giải trí biển	Trđ	7,308	8,408	7,612	90.5%	104.2%
- Doanh thu phòng họp, mặt bằng	Trđ	5,774	7,995	6,114	76.5%	105.9%
- Doanh thu khác	Trđ	6,089	2,603	10,478	402.5%	172.1%
(*) Loại trừ doanh thu, gí vốn nội bộ:	Trđ	(1,666)	-	(1,754)		
II./ CHỈ TIÊU PHỤC VỤ KHÁCH						
1. Tổng số lượt khách lưu trú	Lượt	57,441	53,800	46,754	86.9%	81.4%
-Khách quốc tế	Lượt	23,924	23,200	15,046	64.9%	62.9%
-Khách trong nước	Lượt	33,517	30,600	31,708	103.6%	94.6%
2. Tổng số ngày khách lưu trú	Ngày	67,980	66,300	55,143	83.2%	81.1%
- Ngày khách quốc tế	Ngày	26,044	25,800	17,084	66.2%	65.6%
- Ngày khách trong nước	Ngày	41,936	40,500	38,059	94.0%	90.8%
3. Công suất sử dụng buồng ngủ	%	42.1%	43.7%	36.0%	82.4%	85.6%
III./ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Trđ	8,352	7,380	(85,694)	-1161.2%	-1026.0%
IV./ NỘP NGÂN SÁCH NN:	Trđ	10,224	11,695	10,198	87.2%	99.7%

* Khối kinh doanh cho thuê phòng ngủ:

Doanh thu khối phòng ngủ toàn công ty năm 2019 là: 34 tỷ 500 triệu đồng, đạt 80,6% kế hoạch, giảm 4 tỷ 362 triệu đồng so với năm 2018. Tổng số lượt khách lưu trú tại năm 2019 là: 46.754 lượt, đạt 86,9% kế hoạch. Tổng số ngày khách phục vụ năm 2019 là: 55.143 ngày, đạt 83,2% kế hoạch.

* **Khối kinh doanh ăn uống, giải khát:** Doanh thu khối ăn uống giải khát năm 2019 là: 25 tỷ 589 triệu đồng, đạt 63,4% kế hoạch, giảm 5 tỷ 911 triệu đồng so với năm 2018. Trong năm 2019, doanh thu khối nhà hàng có sự giảm sút, Công ty đang tìm các giải pháp đẩy mạnh doanh số khai thác trong lĩnh vực này.

* **Khối kinh doanh dịch vụ giải trí biển:** Doanh thu dịch vụ giải trí biển năm 2019 là: 7 tỷ 612 triệu đồng, đạt 90,5% kế hoạch, tăng 304 triệu đồng so với năm 2018.

* **Khối kinh doanh thương mại:** Tổng doanh thu kinh doanh thương mại năm 2019 đạt 161 tỷ 514 triệu đồng, đạt 99,0% kế hoạch, giảm 49 tỷ 697 triệu đồng so với năm 2018. Doanh thu kinh doanh thương mại giảm mạnh so với năm 2018 là do Công ty chấm dứt hoạt động phân phối sản phẩm Bia Sài Gòn từ đầu năm 2019.

* **Khối kinh doanh phòng họp, cho thuê mặt bằng, ki ốt, kinh doanh tạp hoá, giữ xe:** Doanh thu khối phòng họp, cho thuê mặt bằng, giữ xe của công ty là: 6 tỷ 114 triệu, đạt 76,5% kế hoạch, tăng 340 triệu đồng so với năm 2018.

* **Hoạt động kinh doanh khác:** Doanh thu hoạt động kinh doanh khác của công ty là: 10 tỷ 478 triệu đồng, đạt 402,5% kế hoạch, tăng 4 tỷ 389 triệu đồng so với năm 2018. Doanh thu hoạt động này tăng cao so với năm 2018 và so với kế hoạch đề ra là do Công ty hạch toán doanh thu quản lý khai thác và cung cấp nhân lực cho Dự án Tòa Nhà DIC Landmark Residence.

2.3/ Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

a./ Đối với dự án khu phức hợp Cap Saint Jacques:

Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua chủ trương thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh để chuyển sang hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất liên quan đến dự án đang được DIC Corp và DIC T&T hợp tác kinh doanh. Hiện nay, DIC Corp và DIC T&T đang trong triển khai các bước công việc tiếp theo

b./ Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư mua sắm tài sản trong năm 2019:

Công ty đã thực hiện việc đầu tư sửa chữa và mua sắm tài sản trong năm 2019 như sau: Mua sắm hệ thống máy rửa chén; Cải tạo Nhà hàng DIC Lotus XN DIC Du lịch Biển; thay thế Tivi, máy lạnh, khăn tắm cho khối ngũ Cụm Khách sạn DIC Star – Cap Saint Jacques.

2.4/ Tình hình chi lương và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN: Thu nhập bình quân người lao động năm 2019 đạt khoảng 7,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 7% so với năm 2018. Tiền lương hàng tháng của người lao động được công ty quan tâm chi trả kịp thời. Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC đã thực hiện tốt việc trích và nộp quỹ BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn theo chế độ quy định.

2.5/ Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước:

a./ **Đối với việc kê khai và nộp các loại thuế GTGT, TTĐB, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp:** Đơn vị chấp hành kê khai, lập báo cáo với cơ quan Thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và các sắc thuế hiện hành; phát sinh phải nộp được đơn vị thanh toán cho NSNN kịp thời, không để xảy ra việc nợ thuế với nhà nước. Tổng số thuế và các khoản đã nộp ngân sách Nhà nước năm 2019 của Công ty: 10 tỷ 198 triệu đồng.

b./ **Đối với việc kê khai, hạch toán và nộp tiền thuê đất cho 02 lô đất được Công ty kế thừa từ khi cổ phần hóa đến nay:**

** Về lô đất có diện tích 26.345,1 m²:* Hạch toán tiền thuê đất, tiền chậm nộp theo Thông báo của cơ quan thuế và Thanh tra tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu lũy kế đến hết ngày 31/12/2019. Tuy nhiên Công ty không đồng tình với cách tính và số liệu tính tiền thuê đất của cơ quan thuế và Thanh tra tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Công ty sẽ tiếp tục kiến nghị và khiếu nại lên cơ quan chức năng có thẩm quyền về vấn đề này.

** Về lô đất có diện tích 8.185,3 m²:* Hạch toán tiền thuê đất, tiền chậm nộp theo Thông báo của cơ quan thuế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu lũy kế đến hết ngày 31/12/2019. Tuy nhiên Công ty không đồng tình với cách tính và số liệu tính tiền thuê đất của cơ quan thuế. Công ty sẽ tiếp tục kiến nghị lên cơ quan chức năng có thẩm quyền để đề nghị giải quyết vấn đề này.

2./ Tình hình đầu tư tài chính dài hạn: Đến cuối năm 2019, Công ty chỉ còn 01 khoản đầu tư tài chính dài hạn là cổ phiếu của Công ty CPTM Bia Sài Gòn Trung tâm với tổng giá trị đầu tư là 43 triệu đồng (4.300 cổ phiếu x10.000 đ/cp). Lợi nhuận đầu tư của cổ phiếu này khá ổn định với mức chia cổ tức hàng năm bình quân trên 10%.

3./ Tình hình tài chính:

a./ Tình hình tài sản – nguồn vốn của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2019:

Tài sản (trđ)		Nguồn vốn (trđ)	
I. Tài sản ngắn hạn	32.438	I. Nợ phải trả	106.569
- Tiền và khoản tương đương	967	- Nợ ngắn hạn	105.741
- Tài sản ngắn hạn khác	31.471	- Nợ dài hạn	828
II. Tài sản dài hạn	113.521	II. Vốn chủ sở hữu	39.390
Tổng cộng	145.959	Tổng cộng	145.959

b./ Tình hình nợ phải thu, nợ trả:

- Công nợ phải thu khách hàng: Đơn vị tổ chức theo dõi chi tiết công nợ theo từng đối tượng khách hàng; cuối quý thực hiện việc đối chiếu công nợ; việc phân công thu hồi nợ được giao cụ thể cho các bộ phận trực tiếp bán hàng, phòng Tài chính Kế toán thực hiện giám sát thu hồi và đôn đốc nợ. Các khoản phải thu khác được đơn vị quản lý chặt chẽ theo quy định.

- Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi: Trong năm không phát sinh tăng các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Ngoài việc đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn và phát sinh hàng tháng, Công ty tập trung theo dõi và đôn đốc thu hồi các khoản nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng của năm trước. Tổng giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu năm 2019 là: 802 trđ, giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm 2019 là 879 trđ, tăng 75 trđ.

- Các khoản vay được quản lý chặt chẽ, tuân thủ các quy định của hợp đồng vay vốn; Các khoản phải trả khách hàng chủ yếu là công nợ luân chuyển và được đơn vị theo dõi chi tiết theo mã đối tượng, nội dung phát sinh nợ;

4./ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Công ty luôn đặt tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, đảm bảo theo quy chuẩn của Khách sạn 4 sao từ trang thiết bị, đầu tư đến trình độ ngoại ngữ và tay nghề của CBCNV v.v... Hiện nay, Công ty đã đầu tư cho Cụm khách sạn những hệ thống thiết bị quản lý hiện đại như sau:

- Hệ thống cửa khóa từ quản lý bằng phần mềm mã vạch;
- Hệ thống kết sắt tự động đóng mở bằng thẻ từ tiện lợi;
- Hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời quản lý bằng hệ thống điều khiển trung tâm;
- Hệ thống wifi indoor – out door phủ song toàn bộ cụm khách sạn quản lý bằng phần mềm vi tính.
- Hệ thống máy vi tính của Công ty được trang bị hệ thống máy chủ hiện đại, nối mạng nội bộ và Internet băng thông rộng ADSL.

Hiện tại Công ty đang liên kết với các trang web đặt chỗ qua mạng như: www.agoda.vn, www.booking.com, www.genaresasia.com ... Thông qua các trang web này đã làm tăng một lượng đáng kể khách du lịch đến nghỉ tại cụm khách sạn DIC.

Trong những năm qua, thương hiệu của Công ty đã được biết đến rộng rãi và tạo niềm tin với du khách trong nước cũng như du khách quốc tế. Với mục tiêu mở rộng và phát triển thị trường để tìm kiếm các hợp đồng mới có giá trị, phát triển các hoạt động kinh doanh, hàng năm Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC luôn thực hiện chủ trương đẩy mạnh hoạt động marketing, xây dựng các chiến lược nhằm duy trì khách hàng cũ và mở rộng được mạng lưới khách hàng mới.

5./ Kế hoạch phát triển tương lai:

- Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ du lịch là ngành nghề kinh doanh chính và nền tảng cơ bản cho mọi hoạt động kinh doanh khác.

- Đẩy mạnh doanh thu của đơn vị thông qua việc khai thác kinh doanh sang lĩnh vực cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong ngành du lịch.

- Đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác khai thác kinh doanh các dự án khách sạn, khu du lịch cao cấp với thế mạnh là đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn nghiệp vụ và am hiểu quy trình quản lý điều hành công việc.

6./ Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.

7./ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Nước thải sinh hoạt của các bộ phận, đơn vị trực thuộc đều được thu gom qua hệ thống xử lý tập trung đáp ứng tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Đối với các chất thải rắn, chất thải công nghiệp Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng chuyên môn trong tỉnh để thu gom và xử lý theo quy định. Định kỳ 06 tháng các đơn vị bộ phận của Công ty đều có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1./ Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2019 hoạt động của Công ty có rất nhiều biến động. Kết quả SXKD năm 2019, Công ty không đạt kế hoạch đã đề ra chịu ảnh hưởng bởi các nguyên nhân sau:

- Công ty đang trong giai đoạn tái cấu trúc doanh nghiệp nên hoạt động đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật bị hạn chế dẫn đến chất lượng dịch vụ của đơn vị không được cải thiện.

- Trong năm, Công ty bàn giao Khối ngũ 3 -5 tầng Khu Hồng Ngọc với 32 phòng ngủ và các dịch vụ kèm theo cho Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng tháo dỡ để triển khai Dự án Khu phức hợp CSJ (Giai đoạn 1). Việc này dẫn đến sự sụt giảm số lượng phòng tiêu thụ và doanh thu phòng ngủ cung cấp cho khách hàng. Mặt khác, việc tháo dỡ, thi công công trình cũng ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh doanh tại Khối ngũ 7 tầng của Khách sạn Cap Saint Jacques liền kề.

- Bên cạnh đó, trong năm 2019 Công ty hạch toán bổ sung tiền thuê đất, tiền chậm nộp theo Thông báo của cơ quan thuế và Thanh tra tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu truy thu lũy kế đến hết ngày 31/12/2019 với tổng số tiền là: 88 tỷ 064 triệu đồng. Từ đó, dẫn đến Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty lỗ: 85 tỷ 694 triệu đồng. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Công ty không đồng tình với cách tính và số liệu tính tiền thuê đất của cơ quan thuế và Thanh tra tỉnh Bà Rịa Vũng tàu. Công ty sẽ tiếp tục kiến nghị và khiếu nại lên cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết vấn đề này.

2./ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2019, Hoạt động SXKD tại Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC luôn chấp hành đúng các chính sách của pháp luật hiện hành, điều lệ hoạt động của Công ty. Căn cứ các quy định của pháp luật và Điều lệ và các quy chế hoạt động của đơn vị, Ban Giám đốc công ty đã tiến hành soạn thảo và ban hành bổ sung các nội quy, quy định nội bộ để cụ thể hoá, quy định chi tiết chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng công ty. Các quy định này là hành lang pháp lý phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty và các phòng ban chức năng đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả SXKD năm 2019 không hoàn thành kế hoạch đã đề ra do rất nhiều nguyên nhân như đã trình bày ở Mục 1, Khoản IV nêu trên.

3./ Kế hoạch, định hướng của HĐQT:

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC là một trong những khách sạn có nhiều phòng nhất tại thành phố Vũng Tàu và là một trong những đơn vị kinh doanh du lịch và dịch vụ du lịch dẫn đầu của Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về chất lượng cũng như về doanh số kinh doanh. Bên cạnh đó, là một trong những đơn vị dẫn đầu ngành du lịch, khách sạn của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, DIC T&T có nhiều triển vọng phát triển trong tương lai. Với vị trí kinh doanh thuận lợi, diện tích mặt bằng kinh doanh khách sạn rộng rãi (hơn 10.000 m²) và khu vực bãi biển dài hơn 320m, diện tích hơn 20.000 m² là cơ hội tốt để DIC T&T phát triển về chiều rộng lẫn chiều sâu. Thời gian tới DIC T&T sẽ tập trung phát triển theo chiều sâu, nâng cao đẳng cấp và chất lượng sản phẩm dịch vụ và coi đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả và cải tiến lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Theo định hướng phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2/2019 thông qua: Công ty CP Du lịch và thương mại DIC (DIC T&T) sẽ sáp nhập vào DIC Corp. Việc sáp nhập sẽ giúp DIC Corp tập trung thống nhất trong quản trị - điều hành, giúp giảm các chi phí quản lý, chi phí hoạt động của công ty sau sáp nhập. Mặc khác việc sáp nhập DIC T&T vào DIC Corp sẽ giúp nâng cao vị thế, tiềm lực tài chính, tối ưu hoá nguồn lực hiện có, nâng cao tiềm lực tài chính, vị thế và dòng tiền của Tổng công ty, mở rộng đầu tư vì lợi ích cao nhất của cổ đông các bên.

** Triển vọng phát triển của ngành:*

Ngành du lịch đang từng bước trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam với tiềm năng phát triển rất lớn như các địa danh, ẩm thực nổi tiếng,... có sức hấp dẫn du khách cao. Định hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam trong thời gian tới là phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa lịch sử, huy động tối đa nguồn nhân lực trong nước và tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch có tầm cỡ khu vực, phấn đấu đưa du lịch Việt Nam được xếp vào nhóm quốc gia có ngành du lịch phát triển trong khu vực.

Việt Nam có bờ biển dài và đẹp, thiên nhiên phong phú; giao thông, khí hậu thuận lợi nên tiềm năng phát triển du lịch của Việt Nam là rất lớn. Bà Rịa - Vũng Tàu là một

trong những tỉnh có cửa ngõ giao lưu giữa Việt Nam và thế giới, có hệ thống đường biển, đường sông và đường hàng không rất thuận tiện. Bà Rịa - Vũng Tàu đang từng bước khẳng định thế mạnh du lịch của mình, nhờ lợi thế về tiềm năng thiên nhiên và nhân văn phong phú. Bà Rịa - Vũng Tàu là một quần thể thiên nhiên hài hoà, sơn thủy hữu tình, có những dãy Núi Lớn - Núi Nhỏ - Minh Đạm, Núi Dinh che chắn, xa xa biển Đông có Côn Đảo bao bọc, ở gần có Long Sơn quy tụ. Với những lợi thế và tiềm năng to lớn nói trên, trong xu thế xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về du lịch vui chơi, giải trí ngày càng cao. Định hướng phát triển du lịch và dịch vụ du lịch của Công ty rất phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và kinh tế thế giới.

V./ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1./ Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức 14 cuộc họp, ban hành 24 nghị quyết và nhiều biên bản cuộc họp để triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành sửa đổi bổ sung một số nội quy, quy chế hoạt động của đơn vị; phê duyệt các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Thành phần Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Số cổ phần sở hữu và đại diện	Tỷ lệ/ VDL
Ông Vũ Thanh Bình	Chủ tịch	23/04/2017	4,647,224	41.1%
Ông Nguyễn Văn Quyến	Thành viên	23/04/2017	1,549,075	13.7%
Ông Phạm Bá Phúc	Thành viên	23/04/2017	785,037	7.0%
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên	23/04/2017	785,061	7.0%

* Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị:

* CHỦ TỊCH HĐQT – ÔNG VŨ THANH BÌNH:

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/11/1968
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 15/10 Hoàng Văn Thụ, P.7, TP Vũng Tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1990 đến 2007: Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsopetro.
 - + Từ 2007 – 04/2011: Phó chánh Văn phòng - Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng

+ Từ 04/2011 – 03/2016: Chánh Văn phòng - Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng;

+ Từ tháng 03/2016 đến 23/04/2017: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ tháng 24/04/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

Số cổ phần nắm giữ : 4,647,224 CP

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 CP

- Đại diện phần vốn DIC Corp: 4,647,224 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

* TV HĐQT – ÔNG NGUYỄN VĂN QUYẾN

- Giới tính: Nam

- Ngày, tháng, năm sinh: 13/09/1961

- Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số: 273 556 606 Ngày cấp: 14/7/2012, Nơi cấp: CA tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Địa chỉ thường trú: G28 Khu bến đĩnh 3, phường 9, Tp. Vũng Tàu

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành TCKT

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 4/1979- 1988: Học và Công tác tại Trường Cao đẳng cảnh sát 2, Trường Cao đẳng XD số 7, Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh;

+ 1988- 4/1997: Chuyên viên Tài chính – Kế toán – XNLM 18/3 thuộc Công ty lắp máy 18;

+ 4/1997 – 8/2001: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán XN lắp máy 18/3 – Công ty Lắp máy 18;

+ 8/2001- 10/2004: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng;

+ 11/2004 -4/2015: Phó Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng;

+ Từ T5/2015 – T4/2017: Giám đốc Ban Quản lý vốn đầu tư Ngoài DN – Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng.

+ Từ T4/2017 – T1/2018: Giám đốc Ban Quản lý vốn đầu tư Ngoài DN – Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ T1/2018 – T12/2018: Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ T12/2018 - Nay: Giám đốc Ban Quản lý Đất đai và Bất động sản Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

- Chức vụ nơi đang công tác: Giám đốc Ban Quản lý Đất đai và Bất động sản Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.

- Số lượng cổ phần nắm giữ hoặc đại diện: 1,549,075 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 CP

+ Đại diện phần vốn DIC Corp: 1,549,075 CP

- Những người có liên quan:

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

* **TV HĐQT – ÔNG PHẠM BÁ PHÚC** (xem trình bày ở phần Ban Giám đốc)

* **TV HĐQT – ÔNG ĐÀO THANH SƠN** (xem trình bày ở phần Ban Giám đốc)

2./ Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của công ty.

- **Thành viên Ban kiểm soát:**

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23/04/2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2017
Bà Phan Thị Thanh Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2017

- **Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:**

* **Trưởng Ban kiểm soát – Bà NGUYỄN THỊ HIỀN**

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 08/3/1967 Nơi sinh: Hà Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số: 273098187 Ngày cấp: 16/4/1998 Nơi cấp: CA BR-VT

- Địa chỉ thường trú: Số nhà 13 - Lô C – Ngõ Đức Kế - P.7 – TP Vũng Tàu

- Số điện thoại liên lạc: 0938031968

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

- Quá trình công tác:

+ Từ năm 1987 đến năm 1993: Nhân viên – Công ty dịch vụ Du lịch Dầu khí Việt Nam.

+ Từ năm 1994 - đến năm 1995: Nhân viên – Trường đào tạo nhân lực Dầu khí;

+ Từ năm 1996 - đến năm 1998: Nhân viên – Công ty TM&DV tỉnh BR-VT;

+ Từ năm 1999 - đến năm 2000: Phụ trách kế toán – XN sửa chữa giàn khoan & các phương tiện dầu khí – Công ty VIMEXCO;

+ Từ năm 2000 đến tháng 9/2001: Kế toán trưởng – Công ty Hàng Hải Thái Bình Dương;

+ Từ tháng 10/2001 – T4/2017: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng.

+ Từ tháng T4/2017 – T1/2018: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng, Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ T1/2018 – T5/2019: Chuyên viên Tổ Đầu tư Tài chính - Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng, Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC..

+ Từ T6/2019 - Nay: Chuyên viên TCKT, Chi nhánh DIC Corp – BQL Dự án DIC Him Lam, thuộc Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên TCKT, Chi nhánh DIC Corp – BQL Dự án DIC Him Lam, thuộc Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.

- Số lượng cổ phần được đại diện hoặc sở hữu : 0 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** Thành viên Ban kiểm soát – Bà Phan Thị Thanh Loan**

- Giới tính: Nữ

- Ngày, tháng, năm sinh: 27/03/1992

- Nơi sinh: Hưng Yên

- Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số: 145442102 Ngày cấp: 31/07/2007 Nơi cấp: CA Hưng Yên

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú: Trần Thượng, Trần Cao, Phù Cừ, Hưng Yên

- Chỗ ở hiện tại: 133/14 Huyện Trần Công Chúa, Tp Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp

- Quá trình công tác:

+ Từ năm 2014 – T4/2017: Chuyên viên Ban Quản lý vốn đầu tư ngoài Doanh nghiệp Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.

+ Từ tháng T4/2017 – T1/2018: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ T1/2018 - Nay: Chuyên viên Tổ Đầu tư Tài chính - Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Tổ Đầu tư Tài chính - Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.

- Số lượng cổ phần đại diện hoặc sở hữu : 0 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** Thành viên Ban kiểm soát – Ông Hoàng Anh Dũng.**

- Giới tính: Nam

- Ngày, tháng, năm sinh: 06/09/1987

- Nơi sinh: Hoa Lộc – Hậu Lộc – Thanh Hóa.

- Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số: 172677336, ngày cấp: 02/05/2008, nơi cấp: CA Tỉnh Thanh Hóa.

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hoa Lộc – Hậu Lộc – Thanh Hóa

- Địa chỉ thường trú: Chung cư Lasike A1 – Phường Nguyễn Anh Ninh – TP.Vũng Tàu.

- Chỗ ở hiện tại: Chung cư Lasike A1 – Phường Nguyễn Anh Ninh – TP.Vũng Tàu.

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Doanh Nghiệp; Cử nhân Kế toán kiểm toán.

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 10/2010 – 2015: Nhân viên Phòng KH và PTDA thuộc DIC Corp.

+ Từ 2015-Tháng 9/2016: Cán bộ Biệt phái của DIC Corp tại DIC T&T.

+ Từ Tháng 10/2016 – T4/2017: Trợ lý Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC

+ Từ tháng T4/2017 – 31/12/2018: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ tháng 01/2019 – Nay: Văn phòng Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chánh Văn phòng Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng .

- Số lượng cổ phần đại diện hoặc sở hữu : 0 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3./ Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý:

a./ Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích liên quan đến thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý:

Vị trí chức danh	Tiền Lương	Tiền thù lao, thưởng, phụ cấp	Tổng cộng:
1./ Ông Vũ Thanh Bình - Chủ tịch HĐQT	514.300.000	2.948.189	517.248.189
2./ Ông Nguyễn Văn Quyền - Thành viên HĐQT.	0	36.000.000	36.000.000
3./ Ông Phạm Bá Phúc - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	406.851.852	69.095.485	475.947.337

Vị trí chức danh	Tiền Lương	Tiền thù lao, thưởng, phụ cấp	Tổng cộng:
4./ Ông Đào Thanh Sơn – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty.	312.000.000	62.799.189	374.799.189
5./ Ông Nguyễn Quỳnh Anh – Phó Giám đốc Công ty.	254.107.230	24.082.059	278.189.289
6./ Bà Nguyễn Thị Hiền - Trưởng Ban Kiểm soát.	0	24.000.000	24.000.000
7./ Ông Hoàng Anh Dũng - Thành viên Ban kiểm soát.	0	12.000.000	12.000.000
8./ Bà Phan Thị Thanh Loan - Thành viên Ban kiểm soát.	0	12.000.000	12.000.000
Cộng:	1.487.259.082	242.924.922	1.730.184.004

b./ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ từ khi đăng ký giao dịch Upcom: Không.

c./ Hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ: Không.

VI./ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019 ĐÃ KIỂM TOÁN: Toàn văn báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI DIC

CHỦ TỊCH HĐQT

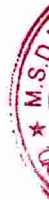


Vũ Chanh Bình

PHỤ LỤC 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
VÀ THƯƠNG MẠI DIC**

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3500592920 (Số cũ 4903000405), đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính: Số 169 đường Thủy Vân, Phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: 0254 3525275.

Email: info@dictt.com.vn.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty: Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh nhà hàng; Mua bán đồ uống có cồn; Mua bán đồ uống không cồn.

Công ty có các Chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Khách sạn Vũng Tàu	Số 169 đường Thủy Vân, P.8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Khách sạn Ngôi sao DIC	Số 169 đường Thủy Vân, P.8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Xí nghiệp DIC Du lịch biển	Số 02 đường Thủy Vân, P.8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 số 03/NQ/2019/ĐHCĐ ngày 10/12/2019 đã thông qua việc sáp nhập Công ty CP Du lịch và thương mại DIC vào Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện việc sáp nhập vào Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2019 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Thanh Bình	Chủ tịch
Ông Phạm Bá Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quyến	Thành viên
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm 2019 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Bá Phúc	Giám đốc
Ông Nguyễn Quỳnh Anh	Phó Giám đốc
Ông Đào Thanh Sơn	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2019 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban
Bà Phan Thị Thanh Loan	Thành viên
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Thanh Bình	Chủ tịch
-------------------	----------

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Vũ Thanh Bình
Chủ tịch HĐQT

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Số : 28-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC, được lập ngày 09 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM KẾ TOÁN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
NAM VIỆT

Nguyễn Ngọc Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2837-2019-152-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Kiểm toán viên

Nguyễn Xuân Giang

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2784-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.437.451.859	32.079.879.184
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	967.206.156	4.349.703.448
1. Tiền	111		967.206.156	4.349.703.448
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.447.788.903	8.462.700.064
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.318.099.147	8.051.383.592
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	137.893.000	185.632.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	861.751.063	1.001.543.608
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(879.418.200)	(801.884.143)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		9.463.893	26.025.007
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	10.964.939.441	11.667.046.911
1. Hàng tồn kho	141		10.964.939.441	11.667.046.911
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.057.517.359	7.600.428.761
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	12.277.649.747	7.600.428.761
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	779.867.612	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.521.444.220	124.718.045.691
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		608.901.282	608.377.770
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		608.901.282	608.377.770
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
II. Tài sản cố định	220		108.432.996.701	116.100.164.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	99.897.996.701	107.565.164.226
- Nguyên giá	222		165.969.698.007	175.724.159.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.071.701.306)	(68.158.995.769)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.535.000.000	8.535.000.000
- Nguyên giá	228		8.620.680.000	8.620.680.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.680.000)	(85.680.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.419.234.803
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.419.234.803
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7	43.000.000	43.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.000.000	43.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.436.546.237	6.547.268.892
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	4.436.546.237	6.547.268.892
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.958.896.079	156.797.924.875

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		106.569.307.414	31.051.213.205
I. Nợ ngắn hạn	310		105.740.907.414	29.150.441.635
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	8.546.817.388	13.053.025.173
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	874.797.937	957.686.331
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	88.706.381.464	841.851.337
4. Phải trả người lao động	314		3.785.856.535	4.348.439.150
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	122.727.273
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.256.522.644	1.101.966.956
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	1.960.147.070	7.888.094.940
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		610.384.376	836.650.475
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		828.400.000	1.900.771.570
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	828.400.000	1.188.624.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	712.147.070
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.389.588.665	125.746.711.670
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	39.389.588.665	125.746.711.670
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		112.943.230.000	112.943.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		112.943.230.000	112.943.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(173.000.000)	(173.000.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.180.006.106	4.516.413.704
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(78.560.647.441)	8.460.067.966
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.132.883.163	1.824.143.950
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(85.693.530.604)	6.635.924.016
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.958.896.079	156.797.924.875

Người lập biểu

Dương Hương Giang

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Đào Thanh Sơn

Chủ tịch HĐQT



Vũ Thanh Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	244.052.897.249	299.060.487.581
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		244.052.897.249	299.060.487.581
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	187.349.021.678	236.942.187.833
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.703.875.571	62.118.299.748
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27.482.524	65.469.408
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	552.889.840	806.759.871
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		552.755.819	806.759.871
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	58.347.495.932	46.871.185.125
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.434.743.061	9.113.706.123
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.603.770.738)	5.392.118.037
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.013.661.766	3.105.917.808
12. Chi phí khác	32	VI.8	78.103.421.632	145.746.964
13. Lợi nhuận khác	40		(74.089.759.866)	2.960.170.844
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(85.693.530.604)	8.352.288.881
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	1.716.364.865
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(85.693.530.604)	6.635.924.016
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(7.587)	529


Người lập biểu



Dương Hương Giang

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng



Đào Thanh Sơn

Chủ tịch HĐQT



Vũ Thanh Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			(85.693.530.604)	8.352.288.881
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.427.633.812	5.721.847.480
- Các khoản dự phòng	03		77.534.057	2.534.700
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		134.021	(2.195.464)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(34.079.483)	(48.595.486)
- Chi phí lãi vay	06		552.755.819	806.759.871
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(79.669.552.378)	14.832.639.982
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		156.985.980	3.845.560.336
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		702.107.470	7.634.174.875
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		83.467.133.903	(9.997.893.254)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.126.725.710	(1.468.951.902)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(552.755.819)	(806.759.871)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(882.666.505)	(1.791.007.551)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(889.858.500)	(440.759.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.458.119.861	11.807.003.615
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(1.205.299.111)	(6.528.183.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		177.454.545	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		27.468.524	63.112.715
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.000.376.042)	(6.465.071.194)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		9.588.000.000	21.288.328.005
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.228.094.940)	(26.219.986.534)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(200.012.150)	(5.548.843.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.840.107.090)	(10.480.501.729)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.382.363.271)	(5.138.569.308)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.349.703.448	9.486.077.292
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(134.021)	2.195.464
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	967.206.156	4.349.703.448

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Dương Hương Giang

Đào Thanh Sơn

Vũ Thanh Bình

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 03 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3500592920 (Số cũ 4903000405), đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính: Số 169 đường Thủy Vân, Phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: 0254 3525275.

Email: info@dictt.com.vn.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty: Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh nhà hàng; Mua bán đồ uống có cồn; Mua bán đồ uống không cồn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trích lập theo qui định hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các Báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

138
ÔNG
NHÌM
VỤ T
NH
TIEM
AM VI
P. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	05 - 15
- Phương tiện vận tải	05 - 15	05 - 15
- Thiết bị văn phòng	05 - 15	05 - 15
- Quyền sử dụng đất	Không trích	Không trích

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá. Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được kế toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hoá và dịch vụ đã bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	315.595.626	752.839.843
Tiền gửi ngân hàng	608.430.530	3.500.842.753
Tiền đang chuyển	43.180.000	96.020.852
Cộng	967.206.156	4.349.703.448

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Sữa Việt Nam	1.735.410.033	-	1.159.173.227	-
Công ty CP Dầu khí Thái Bình Dương	-	-	1.259.860.000	-
Tổng Công ty CP ĐTPT Xây dựng	878.152.738	-	1.656.377.176	-
Lê Công Trà	424.011.048 (424.011.048)		424.011.048 (424.011.048)	
Các khách hàng khác	4.280.525.328 (455.407.152)		3.551.962.141 (377.873.095)	
Cộng	7.318.099.147 (879.418.200)		8.051.383.592 (801.884.143)	

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.2.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH SX Thương mại Phương Hiền	-	61.300.000
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Việt Á	-	53.720.000
Công ty Cổ phần W360S	123.950.000	-
Các nhà cung cấp khác	13.943.000	70.612.000
Cộng	137.893.000	185.632.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tạm ứng	341.469.467	541.119.821
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	88.000.000
Phải thu khác	470.281.596	372.423.787
CN Công ty CP TM Sabeco Miền Đông tại BR-VT	-	49.083.875
Công ty Cổ phần sữa Việt Nam	406.257.318	241.694.162
Nguyễn Văn Bền	1.860.688	21.738
Các khoản phải thu khác	62.163.590	81.624.012
Cộng	861.751.063	1.001.543.608
5. Hàng tồn kho	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Hàng mua đang đi đường	596.169.600	72.249.600
Nguyên liệu, vật liệu	548.284.116	656.085.194
Công cụ, dụng cụ	92.180.806	696.804.760
Hàng hóa	9.629.764.785	10.224.693.373
Hàng gửi đi bán	98.540.134	17.213.984
Cộng	10.964.939.441	11.667.046.911

2138
ÔNG
NHÌM
VỤ T
ÍNH K
KIỂM
AM VI
TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	148.319.605.807	10.450.552.396	6.197.958.693	6.573.168.129	4.182.874.970	175.724.159.995
Mua trong năm	76.480.000	420.910.000	-	-	54.545.455	551.935.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.868.506.333	-	-	-	204.092.126	2.072.598.459
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.814.393.872)	(493.138.950)	(481.864.718)	(161.908.600)	(2.951.306.140)
Biến động khác	(8.931.791.176)	-	(53.110.500)	(442.788.086)	-	(9.427.689.762)
Số dư cuối năm	141.332.800.964	9.057.068.524	5.651.709.243	5.648.515.325	4.279.603.951	165.969.698.007
Giá trị đã hao mòn						
Số dư đầu năm	45.217.300.701	9.379.509.040	4.632.389.796	5.706.197.193	3.223.599.039	68.158.995.769
Khấu hao trong năm	4.160.825.398	375.446.911	297.624.079	217.460.256	376.277.168	5.427.633.812
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.643.550.286)	(493.138.950)	(481.864.718)	(161.908.600)	(2.780.462.554)
Biến động khác	(4.255.827.914)	-	(35.849.721)	(442.788.086)	-	(4.734.465.721)
Số dư cuối năm	45.122.298.185	8.111.405.665	4.401.025.204	4.999.004.645	3.437.967.607	66.071.701.306
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	103.102.305.106	1.071.043.356	1.565.568.897	866.970.936	959.275.931	107.565.164.226
Tại ngày cuối năm	96.210.502.779	945.662.859	1.250.684.039	649.510.680	841.636.344	99.897.996.701

* Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 20.995.587.095 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào đơn vị khác	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP TM SABECO Trung Tâm	4.300	43.000.000	4.300	43.000.000
Cộng		43.000.000		43.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.535.000.000	85.680.000	8.620.680.000
Mua trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	8.535.000.000	85.680.000	8.620.680.000
Giá trị đã hao mòn			
Số dư đầu năm	-	85.680.000	85.680.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	85.680.000	85.680.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.535.000.000	-	8.535.000.000
Tại ngày cuối năm	8.535.000.000	-	8.535.000.000

* Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 85.680.000 đồng.
- Quyền sử dụng đất có diện tích 1.707 m² tại số 265 Lê Hồng Phong (hiện nay là 169 Thủy Vân), phường 8, TP Vũng Tàu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 079594 cấp ngày 13/12/2005.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	774.995.234	262.425.352
Chi phí sửa chữa	57.622.000	170.785.702
Chi phí mua bảo hiểm	2.906.250	16.986.097
Các khoản khác	28.491.501	267.680.059
Lương, phụ cấp Landmark	-	206.564.998
Chi phí DA khu CSJ	11.413.634.762	6.675.986.553
Cộng	12.277.649.747	7.600.428.761

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.449.627.683	3.602.877.680
Chi phí sửa chữa thường xuyên	982.733.356	2.769.183.188
Chi phí trả trước khác	4.185.198	175.208.024
Cộng	4.436.546.237	6.547.268.892

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	4.847.432.430	8.552.615.109
Công ty TNHH Huyền Sâm	-	87.027.196
Công ty TNHH Đức Phú Cường	16.942.285	917.415.504
Công ty TNHH Thủy sản Anh Hồng	155.777.500	134.385.500
Nguyễn Thị Uyên	550.037.500	523.778.000
Các nhà cung cấp khác	2.976.627.673	2.837.803.864
Cộng	8.546.817.388	13.053.025.173

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.2.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phạm Thị Lài	138.493.500	103.177.750
Bùi Thị Sáu	177.582.500	184.448.500
Các khách hàng khác	558.721.937	670.060.081
Cộng	874.797.937	957.686.331

13. Thuế

a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	01/01/2019 VND	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	31/12/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	779.867.612	779.867.612
Cộng	-	-	779.867.612	779.867.612

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 VND	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	618.398.785	6.809.270.997	6.853.646.462	574.023.320
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.555.874	25.167.692	24.518.181	3.205.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp	102.798.893	-	102.798.893	-
Thuế thu nhập cá nhân	75.790.962	268.612.577	284.968.609	59.434.930
Các loại thuế khác	7.626.923	109.983.110	111.452.561	6.157.472
Thuế nhà đất và tiền thuê đất ^(ia)	34.679.900	83.588.529.173	2.040.780.237	81.582.428.836
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác ^(ib)	-	6.481.497.013	365.492	6.481.131.521
Cộng	841.851.337	97.283.060.562	9.418.530.435	88.706.381.464

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Tiền thuê đất phải nộp tính đến ngày 31/12/2019 (ia+ib) bao gồm:

1. Tiền thuê đất phải nộp của lô đất 26.345,1m² theo quyết định của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tính đến hết năm 2017 là: 54.326.628.976 đồng. Trong đó:

Tiền thuê đất theo Quyết định số 174/QĐ-TTr : 50.197.485.068 đồng
ngày 05/10/2018

Tiền quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật : 4.129.143.908 đồng
theo Quyết định số 179/QĐ-TTr ngày 05/10/2018

Công ty không đồng ý với Quyết định số 174/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 và Quyết định số 179/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đã có Văn bản khiếu nại số 118/2018/CV-DIC T&T ngày 25/10/2018 gửi Thanh tra tỉnh BR-VT. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tiền thuê đất phải nộp tạm tính (phần còn lại do chênh lệch diện tích và đơn giá thuê) của lô đất 26.345,1m² theo thông báo số 13895/TB-CCT ngày 16/12/2019 của Chi cục Thuế TP. Vũng Tàu cho năm 2018 và 2019 là: 15.052.132.790 đồng. Trong đó:

Tiền thuê đất : 13.882.538.395 đồng

Tiền chậm nộp : 1.169.594.395 đồng

Công ty không đồng ý với số tiền chênh lệch còn phải nộp theo Thông báo số 13895/TB-CCT ngày 16/12/2019 của Chi cục Thuế TP.Vũng Tàu và đã có văn bản đề nghị Chi cục Thuế TP.Vũng Tàu xem xét lại.

3. Tiền thuê đất phải nộp tạm tính (phần còn lại do chênh lệch đơn giá thuê) của lô đất 8.183,5m² theo thông báo số 13895/1/TB-CCT ngày 16/12/2019 của Chi cục Thuế TP. Vũng Tàu là: 18.684.798.591 đồng. Trong đó:

Tiền thuê đất : 13.373.261.465 đồng

Tiền chậm nộp : 5.311.537.126 đồng

Công ty không đồng ý với số tiền chênh lệch còn phải nộp theo Thông báo số 13895/1/TB-CCT ngày 16/12/2019 của Chi cục Thuế TP.Vũng Tàu và đã có văn bản đề nghị Chi cục Thuế TP.Vũng Tàu xem xét lại.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	124.909.486	29.374.716
Kinh phí công đoàn	95.685.181	50.868.161
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	12.076.259	49.603.884
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Cổ tức phải trả	501.628.330	701.640.480
Các khoản phải trả, phải nộp khác	519.223.388	267.479.715
Phải trả Công ty sữa Vinamilk	88.013.976	19.549.810
Phải trả khác	431.209.412	247.929.905
Cộng	<u>1.256.522.644</u>	<u>1.101.966.956</u>

15. Phải trả dài hạn khác

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	828.400.000	1.188.624.500
Cộng	<u>828.400.000</u>	<u>1.188.624.500</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	8.340.000.000	12.554.894.940	4.214.894.940	
Nguyễn Thị Tuyết Bình	-	-	529.200.000	529.200.000	
Ngô Thị Thanh Châu ⁽ⁱ⁾	1.248.000.000	1.248.000.000	1.248.000.000	1.248.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	712.147.070	712.147.070	1.896.000.000	1.896.000.000	
Cộng	1.960.147.070	10.300.147.070	16.228.094.940	7.888.094.940	

(i) **Ngô Thị Thanh Châu**

Hợp đồng vay vốn số Số 30/2019/HĐVV /DIC T&T ngày 31/12/2019. Thời hạn vay: dưới 12 tháng.
Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất: 0,5%/tháng.
Tài sản đảm bảo: vay tín chấp.

(ii) **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN BR-VT**

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2014/600331/HĐTH ngày 29/12/2014. Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 06/02/2015. Mục đích vay: Cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, thay thế trang thiết bị, vật dụng cho Khách sạn Vũng Tàu. Lãi suất: 11%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2019: 712.147.070 đồng.
Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 021/2019/HĐTG.760.600276 trị giá 25 tỷ của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng.
Phân loại về nợ ngắn hạn: 712.147.070 đồng.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	112.943.230.000	(173.000.000)	3.664.741.848	9.174.649.162	125.609.621.010
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.635.924.016	6.635.924.016
Trích lập các quỹ	-	-	851.671.856	(1.703.343.712)	(851.671.856)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.647.161.500)	(5.647.161.500)
Số dư cuối năm trước	112.943.230.000	(173.000.000)	4.516.413.704	8.460.067.966	125.746.711.670
Số dư đầu năm nay	112.943.230.000	(173.000.000)	4.516.413.704	8.460.067.966	125.746.711.670
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(85.693.530.604)	(85.693.530.604)
Trích lập các quỹ	-	-	663.592.402	(1.327.184.803)	(663.592.401)
Số dư cuối năm nay	112.943.230.000	(173.000.000)	5.180.006.106	(78.560.647.441)	39.389.588.665

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2019</u> VND	%	<u>01/01/2019</u> VND	%
Tổng Công ty CP ĐTPT Xây dựng	77.453.730.000	69	77.453.730.000	69
Công ty TNHH MTV thương mại SABECO	8.007.490.000	7	8.007.490.000	7
Cổ đông khác	27.482.010.000	24	27.482.010.000	24
Cộng	<u>112.943.230.000</u>	100	<u>112.943.230.000</u>	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	112.943.230.000	112.943.230.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	112.943.230.000	112.943.230.000

d. Cổ phiếu

	<u>31/12/2019</u> Cổ phiếu	<u>01/01/2019</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.294.323	11.294.323
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.294.323	11.294.323
- Cổ phiếu phổ thông	11.294.323	11.294.323
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.294.323	11.294.323
- Cổ phiếu phổ thông	11.294.323	11.294.323
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP (mười nghìn đồng)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	161.513.759.702	211.237.089.546
Doanh thu cung cấp dịch vụ	82.539.137.547	87.823.398.035
Cộng	<u>244.052.897.249</u>	<u>299.060.487.581</u>

Trong đó doanh thu với các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	9.334.433.711	7.069.145.947
Cộng	<u>9.334.433.711</u>	<u>7.069.145.947</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa	158.158.545.970	207.291.263.742
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.190.475.708	29.650.924.091
Cộng	<u>187.349.021.678</u>	<u>236.942.187.833</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.542.552	22.456.224
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.925.972	40.656.491
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.000	2.356.693
Cộng	<u>27.482.524</u>	<u>65.469.408</u>

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	552.755.819	806.759.871
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	134.021	-
Cộng	<u>552.889.840</u>	<u>806.759.871</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên bán hàng	22.071.217.141	20.311.598.840
Chi phí Công cụ dụng cụ	7.162.903.671	7.496.409.284
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.321.849.984	5.631.867.944
Chi phí vật liệu, bao bì	1.262.491.865	1.220.888.247
Chi phí sửa chữa	958.568.546	864.606.567
Chi phí tiền điện nước	4.876.072.550	5.179.164.405
Tiền thuê đất	12.354.852.191	1.553.609.497
Chi phí khác	4.339.539.984	4.613.040.341
Cộng	58.347.495.932	46.871.185.125

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên quản lý	6.222.654.390	5.158.358.410
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	77.534.057	570.232.733
Chi phí khác	3.134.554.614	3.385.114.980
Cộng	9.434.743.061	9.113.706.123

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý TSCĐ và công cụ	406.799.001	74.050.907
Thu đền bù tài sản	21.819.000	11.273.000
Tiền nhận hỗ trợ, chiết khấu, khuyến mãi	3.481.013.413	3.004.410.277
Thu nhập khác	104.030.352	16.183.624
Cộng	4.013.661.766	3.105.917.808

8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán, thanh lý TSCĐ	13.789.041	14.517.229
Giá trị còn lại của hàng hoá, công cụ thanh lý	379.114.567	15.280.599
Các khoản phạt chậm nộp	6.500.285.364	23.314.957
Tiền sử dụng đất trước năm 2019	71.186.980.898	-
Chi phí khác	23.251.762	92.634.179
Cộng	78.103.421.632	145.746.964

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế. Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(85.693.530.604)	8.352.288.881
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	77.876.291.463	177.821.945
- Các khoản điều chỉnh tăng	77.894.217.435	218.478.436
- Các khoản điều chỉnh giảm	17.925.972	40.656.491
Tổng thu nhập chịu thuế	(7.817.239.141)	8.530.110.826
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(7.817.239.141)	8.530.110.826
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	1.706.022.165
Thuế TNDN bị truy thu	-	10.342.700
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.716.364.865

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(85.693.530.604)	6.635.924.016
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(663.592.401)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(663.592.401)
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(85.693.530.604)	5.972.331.615
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.294.323	11.294.323
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.587)	529

EPS năm trước giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.333.795.846	32.539.360.074
Chi phí nhân công	28.293.871.531	25.469.957.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.427.633.812	5.721.847.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.292.610.043	10.023.368.098
Chi phí khác bằng tiền	17.624.803.469	11.881.282.437
Cộng	96.972.714.701	85.635.815.339

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	9.588.000.000	21.288.328.005
Cộng	9.588.000.000	21.288.328.005

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	16.228.094.940	26.219.986.534
Cộng	16.228.094.940	26.219.986.534

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 số 03/NQ/2019/ĐHCD ngày 10/12/2019 đã thông qua việc sáp nhập Công ty CP Du lịch và thương mại DIC vào Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp). Sau khi sáp nhập, Công ty sẽ chấm dứt hoạt động và trở thành chi nhánh của DIC Corp. Tuy nhiên, DIC Corp vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình một cách bình thường như trước khi sáp nhập, phương án kinh doanh cụ thể sau sáp nhập sẽ do Hội đồng quản trị DIC Corp sẽ xem xét xây dựng và tổ chức thực hiện đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông và Tổng Công ty

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện việc sáp nhập vào Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

Trong kỳ, thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao và các khoản phúc lợi khác	2.125.526.998	2.027.217.366

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty mẹ	10.267.877.075
Phải thu khách hàng		208.920.000
Phải trả người bán		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty mẹ	878.152.738
Phải thu khách hàng		(156.690.000)
Phải trả người bán		

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Thương mại; Mua bán đồ uống có cồn; Mua bán đồ uống không cồn.
- Dịch vụ: Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh nhà hàng.

Năm nay	Thương mại VND	Dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bộ phận	161.513.759.702	82.539.137.547	244.052.897.249
Chi phí bộ phận	(158.158.545.970)	(29.190.475.708)	(187.349.021.678)
Kết quả kinh doanh	3.355.213.732	53.348.661.839	56.703.875.571
Doanh thu tài chính			27.482.524
Chi phí tài chính			(552.889.840)
Chi phí bán hàng			(58.347.495.932)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(9.434.743.061)
Thu nhập khác			4.013.661.766
Chi phí khác			(78.103.421.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế			(85.693.530.604)
Năm trước	Thương mại VND	Dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bộ phận	211.237.089.546	87.823.398.035	299.060.487.581
Chi phí bộ phận	(207.291.263.742)	(29.650.924.091)	(236.942.187.833)
Kết quả kinh doanh	3.945.825.804	58.172.473.944	62.118.299.748
Doanh thu tài chính			65.469.408
Chi phí tài chính			(806.759.871)
Chi phí bán hàng			(46.871.185.125)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(9.113.706.123)
Thu nhập khác			3.105.917.808
Chi phí khác			(145.746.964)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.716.364.865)
Lợi nhuận sau thuế			6.635.924.016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị sổ sách	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	967.206.156	-	4.349.703.448	-
Phải thu khách hàng	7.318.099.147	(879.418.200)	8.051.383.592	(801.884.143)
Trả trước cho người bán	137.893.000	-	185.632.000	-
Các khoản đầu tư tài chính	43.000.000	-	43.000.000	-
Phải thu khác	1.470.652.345	-	1.609.921.378	-
Cộng	9.936.850.648	(879.418.200)	14.239.640.418	(801.884.143)

Giá trị sổ sách	31/12/2019		01/01/2019	
		VND		VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán		8.546.817.388		13.053.025.173
Người mua trả tiền trước		874.797.937		957.686.331
Vay và nợ		1.960.147.070		8.600.242.010
Các khoản phải trả khác		94.577.160.643		7.480.881.943
Cộng		105.958.923.038		30.091.835.457

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.6, V.8 và V.16) và tại thời điểm 31/12/2019 Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Hội đồng Quản trị cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm VND	Tổng Cộng VND
Số cuối năm			
Vay và nợ	1.960.147.070	-	1.960.147.070
Phải trả người bán	8.546.817.388	-	8.546.817.388
Người mua trả tiền trước	874.797.937	-	874.797.937
Các khoản phải trả, phải nộp khác	93.748.760.643	828.400.000	94.577.160.643
Số đầu năm			
Vay và nợ	7.888.094.940	712.147.070	8.600.242.010
Phải trả người bán	13.053.025.173	-	13.053.025.173
Người mua trả tiền trước	957.686.331	-	957.686.331
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.292.257.443	1.188.624.500	7.480.881.943

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

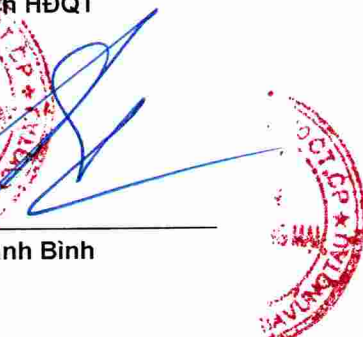
10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Dương Hương Giang

Đào Thanh Sơn

Vũ Thanh Bình

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 03 năm 2020

